

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LONG THIÊN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LONG THIÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LONG THIEN SERVICE AND TRADING DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LONG THIEN SERVICE AND TRADING DEVELOPMENT CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110130361

3. Ngày thành lập: 27/09/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 185a, ngõ 75D đường Kim Giang, thôn Tràng, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0397886856

Fax:

Email: contact.tmdvlongthien@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (trừ nổ cát)	4390
5.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
6.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543
8.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa – Môi giới mua bán hàng hóa	4610
9.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
10.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
11.	Bán buôn thực phẩm	4632
12.	Bán buôn đồ uống	4633
13.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
14.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ máy móc, thiết bị y tế)	4659
17.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
19.	Trồng cây lâu năm khác	0129
20.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
21.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
22.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
23.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
24.	Chăn nuôi gia cầm	0146
25.	Chăn nuôi khác	0149
26.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
27.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
28.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
29.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
30.	Khai thác thủy sản biển	0311
31.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
32.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
33.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
34.	Dịch vụ đóng gói (Trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292
35.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các hàng hóa Công ty kinh doanh; loại trừ hoạt động đấu giá(Theo điều 28 Luật Thương mại 2005)	8299
36.	Bán buôn tổng hợp	4690
37.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
38.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (có lập cơ sở bán lẻ) các hàng hóa không thuộc danh mục cấm và hạn chế xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên	4719(Chính)
39.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
40.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
41.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
42.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724

43.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: Sơ chế, chế biến, đóng gói thịt các loại. (trừ hoạt động giết mổ)	1010
44.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Sơ chế, chế biến, đóng gói các loại thủy hải sản.	1020
45.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Sơ chế, chế biến, đóng gói các loại rau, củ, quả.	1030
46.	Sản xuất các loại bánh từ bột Chi tiết: Sơ chế, chế biến, đóng gói bánh các loại	1071
47.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn Chi tiết: Sơ chế, chế biến, đóng gói các loại thức ăn sẵn	1075
48.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: bánh sandwich, bánh pizza....	1079
49.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
50.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
51.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
52.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
53.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
54.	In ấn	1811
55.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
56.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
57.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Bán lẻ qua internet các hàng hóa không thuộc danh mục cấm và hạn chế xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên	4791
58.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Hoạt động cung cấp dịch vụ ăn uống, trong đó khách hàng được phục vụ hoặc tự chọn các mặt hàng được bày sẵn để ăn tại chỗ hoặc mang về (Không bao gồm hoạt động của quán Bar, Karaoke, vũ trường)	5610
59.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
60.	Dịch vụ ăn uống khác (Không bao gồm hoạt động của quán Bar, Karaoke, vũ trường)	5629
61.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm hoạt động của quán Bar, Karaoke, vũ trường)	5630
62.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
63.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
64.	Sửa chữa thiết bị khác	3319

65.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
66.	Xây dựng nhà để ở	4101
67.	Xây dựng nhà không để ở	4102
68.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
69.	Xây dựng công trình điện	4221
70.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
71.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
72.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
73.	Xây dựng công trình thủy	4291
74.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
75.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
76.	Phá dỡ (trừ nổ mìn)	4311
77.	Chuẩn bị mặt bằng (trừ hoạt động nổ mìn)	4312
78.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: + Dây dẫn và thiết bị điện + Hệ thống chiếu sáng + Hệ thống báo động chống trộm + Hoạt động kết nối các thiết bị điện và đồ dùng gia đình	4321
79.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
80.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
81.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
82.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
83.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
84.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
85.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
86.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN XUÂN THAO

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 16/05/1970 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 101308438

Ngày cấp: 12/11/2013 Nơi cấp: CA tỉnh Quảng Ninh

Địa chỉ thường trú: T16 K2, Phường Hà Khẩu, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: T16 K2, Phường Hà Khẩu, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN XUÂN THAO

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/05/1970 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 101308438

Ngày cấp: 12/11/2013 Nơi cấp: CA tỉnh Quảng Ninh

Địa chỉ thường trú: T16 K2, Phường Hà Khẩu, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: T16 K2, Phường Hà Khẩu, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội